

Số: **55** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **16** tháng **4** năm 2024

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động**  
**tại Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**

Thực hiện Quyết định số 81/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 11 và ngày 12/3/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Văn phòng Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (sau đây gọi là doanh nghiệp); thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 02/4/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300588569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 06/12/2022.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Trụ sở chính: số 10 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại giao dịch: 028.5415.5555.
- Tài khoản số 0071000005874 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, địa chỉ: số 10 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập công đoàn cơ sở.
- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 700 người.

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

**1. Các loại báo cáo định kỳ**

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Doanh nghiệp chưa thông báo về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 với cơ quan bảo hiểm xã hội.

- Đã báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

## 2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Phương thức tuyển: doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng bằng việc đăng thông tin tuyển dụng tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và các trang mạng xã hội tuyển dụng, tìm kiếm việc làm.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề; hợp đồng học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh.

- Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

## 3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động: 20 người, đang thử việc.

- Số người đã ký hợp đồng lao động: 680 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 465 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 215 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.

- Số người lao động thuê lại: 06 người. Doanh nghiệp ký hợp đồng thuê lại lao động làm công việc dọn dẹp vệ sinh tòa nhà với Công ty Cổ phần kết nối việc (Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động số 61/2022/SHCM do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 19/4/2022).

- Số người lao động chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Kiểm tra 10 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động, nội dung hợp đồng lao động ghi chưa chi tiết: mục công việc phải làm ghi "...các công việc khác khi được người sử dụng lao động phân công", mục địa điểm làm việc ghi "...các địa điểm khác theo yêu cầu của người sử dụng lao động".

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp có 133 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 27 người lao động đủ điều kiện được hưởng với tổng số tiền là 883.579.583 đồng.

#### **4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TULĐTT)**

- Doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước 05 ngày làm việc trước ngày đối thoại.

- Doanh nghiệp đã tổ chức thương lượng tập thể và ký kết TULĐTT. Hồ sơ TULĐTT chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại; biên bản thương lượng tập thể chưa có chữ ký của người ghi biên bản.

- Đã thực hiện đúng nội dung TULĐTT.

- Đã gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc. Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc chưa đúng quy định, cụ thể:

+ Chưa quy định nguyên tắc đối thoại tại nơi làm việc.

+ Chưa quy định trách nhiệm của các bên khi tham gia đối thoại.

+ Số lượng, thành phần tham gia đối thoại định kỳ bên người lao động chưa đảm bảo quy định.

#### **5. Tiền lương và trả công lao động**

- Mức lương thấp nhất doanh nghiệp áp dụng là 6.410.000 đồng/đồng/người/tháng, không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

- Thu nhập thấp nhất: 7.371.500 đồng/người/tháng; thu nhập cao nhất: 687.350.000 đồng/người/tháng; bình quân: 35.274.109 đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Doanh nghiệp trả lương theo thời gian, qua tài khoản ngân hàng (người sử dụng lao động trả chi phí dịch vụ).

- Tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, tiền lương làm việc vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương: không phát sinh.

- Việc trả tiền lương những ngày người lao động chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc: doanh nghiệp thực hiện theo quy định.

- Tại doanh nghiệp không phát sinh ngừng việc.

- Doanh nghiệp không khấu trừ tiền lương của người lao động trái luật.

- Tiền ăn ca: doanh nghiệp hỗ trợ ăn ca mức 40.000 đồng/người/ngày.

#### **6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi**

- Doanh nghiệp bố trí làm việc 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần.

- Doanh nghiệp không huy động người lao động làm thêm giờ.

- Đã thực hiện nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động tại doanh nghiệp trong điều kiện lao động bình thường là 12 ngày (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không phát sinh.

### **7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất**

- Doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014. Nội quy lao động có nội dung không đúng quy định, cụ thể:

+ Quy định: “Công ty sẽ bố trí để NLĐ được nghỉ bù tương ứng với số thời gian đã không được nghỉ vì phải làm thêm giờ cho Công ty. Trường hợp không thể giải quyết nghỉ bù cho NLĐ, Công ty sẽ trả tiền làm thêm giờ theo đúng quy định”.

+ Quy định nghỉ lễ Quốc khánh là 01 ngày (ngày 02 tháng 9).

+ Quy định sa thải đối với người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong 01 tháng hoặc 20 ngày cộng dồn trong 01 năm mà không có lý do chính đáng theo quy định pháp luật.

+ Chưa quy định nội dung phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

+ Chưa quy định trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động.

+ Chưa quy định người có thẩm quyền xử lý bồi thường thiệt hại.

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: không phát sinh.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: trong thời kỳ thanh tra có 07 trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất. Trình tự, thủ tục xử lý bồi thường thiệt hại theo quy định.

### **8. Lao động đặc thù**

#### **8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ**

- Doanh nghiệp đang sử dụng 341 lao động nữ.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nam/nữ riêng biệt.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản theo quy định.

- Đã thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

### **8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên**

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

### **8.3. Đối với lao động là người nước ngoài**

Doanh nghiệp sử dụng 02 lao động là người nước ngoài, không thuộc diện phải có giấy phép lao động, đã được cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

### **8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi**

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.

- Doanh nghiệp sử dụng 01 người lao động cao tuổi.

- Việc thỏa thuận rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian đối với người lao động cao tuổi: không.

## **9. Khiếu nại, tranh chấp lao động**

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

## **10. An toàn lao động, vệ sinh lao động**

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

- Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động chuyên trách.

- Doanh nghiệp sử dụng 07 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định đạt yêu cầu.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động. Túi sơ cứu chưa đủ loại dụng cụ (thiếu mặt nạ phòng độc, nẹp cổ, nẹp đùi, nẹp cẳng chân, kính bảo vệ mắt).

- Doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lao động nữ theo quy định.

## **11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

- Tại thời điểm thanh tra:

+ Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 679 người; số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 677 người.

+ Số người đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 679 người; số người đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 677 người.

+ Số người chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 0 người; số người không thuộc diện phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 02 người lao động nước ngoài, doanh nghiệp đã chi trả cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền tương đương mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trên hợp đồng lao động và khoản hỗ trợ từ kết quả công việc được nhận.

- Số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 02/2024: 5.996.364.200 đồng.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã trích đóng đủ tiền cho cơ quan bảo hiểm xã hội; số tiền chậm đóng: 0 đồng.

### **III. KẾT LUẬN**

#### **1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện**

1.1. Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện các báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động và báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

1.3. Không thu phí tuyển dụng lao động.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động theo quy định.

1.5. Đã ký kết và thực hiện TULĐTT.

1.6. Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc.

1.7. Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.

1.8. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 1.040.000 đồng/người/tháng.

1.9. Đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

1.10. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.11. Tại doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

1.12. Đã xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

1.13. Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động chuyên trách.

1.14. Đang sử dụng 07 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định đạt yêu cầu.

1.15. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.16. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lao động nữ theo quy định.

1.17. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 100% số người thuộc đối tượng phải tham gia; đã nộp đủ số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

## **2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Nội dung của 10 hợp đồng lao động được kiểm tra chưa đảm bảo quy định: mục công việc phải làm ghi "... các công việc khác khi được người sử dụng lao động phân công", mục địa điểm làm việc ghi "... các địa điểm khác theo yêu cầu của người sử dụng lao động" là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước 05 ngày làm việc trước ngày đối thoại theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.4. Trình tự, thủ tục xây dựng TULĐTT:

- Chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Bộ luật Lao động.

- Biên bản cuộc họp thương lượng tập thể không có chữ ký của người ghi biên bản theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.5. Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc có nội dung không đúng quy định tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, cụ thể:

- Chưa quy định nguyên tắc đối thoại tại nơi làm việc theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 37.

- Chưa quy định trách nhiệm của các bên khi tham gia đối thoại điểm đ khoản 2 Điều 37.

- Quy định số lượng, thành phần tham gia đối thoại của bên người lao động chưa đảm bảo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38.

2.6. Nội quy lao động có nội dung không đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

- Quy định: “Công ty sẽ bố trí để NLD được nghỉ bù tương ứng với số thời gian đã không được nghỉ vì phải làm thêm giờ cho Công ty. Trường hợp không thể giải quyết nghỉ bù cho NLD, Công ty sẽ trả tiền làm thêm giờ theo đúng quy định” là không đúng quy định tại Điều 98 Bộ luật Lao động.

- Quy định nghỉ lễ Quốc khánh là 01 ngày (ngày 02 tháng 9) là không đúng quy định tại điểm đ Điều 112 Bộ luật Lao động.

- Quy định sa thải đối với người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong 01 tháng hoặc 20 ngày cộng dồn trong 01 năm mà không có lý do chính đáng theo quy định pháp luật là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 125 Bộ luật Lao động.

- Chưa quy định nội dung phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

- Chưa quy định trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

- Chưa quy định người có thẩm quyền xử lý bồi thường thiệt hại theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.7. Túi sơ cứu chưa đủ loại dụng cụ (thiếu mặt nạ phòng độc, nẹp cổ, nẹp đùi, nẹp cẳng chân, kính bảo vệ mắt) quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

#### **IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG**

Không.

#### **V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC**

Không.

#### **VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra như sau: khắc phục ngay sai phạm nêu tại điểm 2.7; các sai phạm khác thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số



43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra (gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan) đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 31/5/2024./.

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Thị Hồng Diệp**

